

Bản án số: 42/2024/HS-ST

Ngày: 26-8-2024

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thiện Tâm

*Thẩm phán:* Bà Huỳnh Thị Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Tôn Thọ Nôi

Bà Nguyễn Thị Thủy

Bà Nguyễn Thị Bạch Huệ

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Ánh Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Sỹ Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 49/2024/TLST-HS ngày 25 tháng 7 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2024/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo:

Trần Văn T, sinh ngày 15/10/2004, tại tỉnh Long An. Nơi cư trú: Ấp K, xã H, huyện T, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn M, sinh năm 1955 (đã chết) và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1958; bị cáo chưa có vợ và con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 31/5/2023 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

**- Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Trần Văn T:** Luật sư Huỳnh Trung H – Thành viên Đoàn luật sư tỉnh L (Có mặt).

**- Người bị hại:** Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 2000 (Đã chết).

**Người đại diện hợp pháp của người bị hại ông Nguyễn Văn L:** Bà Huỳnh Thị Á, sinh năm 1967.

**Người đại diện hợp pháp của bà Huỳnh Thị Á:** Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1992 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã V, huyện T, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần Văn T1, sinh năm 1992 (Có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1958 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã H, huyện T, tỉnh Long An.

3. Bà Nguyễn Thị Mỹ L1, sinh năm 2001. Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (Vắng mặt).

4. Em Trương Văn Tuấn A, sinh ngày 30/10/2019.

*Người đại diện hợp pháp của em Trương Văn Tuấn A:* Bà Trương Thị D, sinh năm 2002 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã V, huyện T, tỉnh Long An.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Tiểu N1, sinh năm 2001. Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Long An (Có mặt).

2. Trần Văn Trung B, sinh năm 1996. Địa chỉ: Ấp K, xã H, huyện T, tỉnh Long An. (Có mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 30 phút, ngày 01/5/2023, Nguyễn Văn L; Nguyễn Thị Mỹ L1; Nguyễn Văn L2 (em ruột của L); Trương Văn T2 đến nhà Trần Văn T3 Bé để tổ chức uống bia cùng với B và Nguyễn Tiểu N1. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, tất cả nghỉ uống bia, dẫn xe ra đường phía trước nhà B để chuẩn bị đến nhà của L tiếp tục uống bia. Lúc này, bị cáo Trần Văn T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Winner màu xanh trắng biển số 62C1-149.24 đi chợ H2 để mua thức ăn chạy xe ngang qua. Văn L2 và T2 cho rằng: T chạy xe net pô, khiêu khích, nên Văn L2 điều khiển xe chở T2 đuổi theo khoảng 500m thì chạy kịp xe T. T2 cầm nón bảo hiểm định đánh T, nhưng T kịp quay xe chạy về nhà.

Khi về đến nhà, bị cáo T nói với anh ruột là Trần Văn T1 về việc: T không đi chợ nữa, vì khi chạy xe ngang nhà B có 02 người chạy xe đuổi theo đánh. Nghe T nói xong, T1 lấy xe mô tô biển số 62C1-149.24 và bảo Trọng cùng đi lên nhà của B, nhằm để hỏi lý do vì sao chặn xe đòi đánh T. T1 chở T đi về hướng xã H B để tìm 02 người đánh T. Khi cả hai đi trên đường nhựa cặp Kênh Đìa Việt khoảng 50m thì gặp Văn L2 chở T2 chạy từ hướng H B đến. Bị cáo T chỉ cho T1 biết đây là 02 người đã chặn đường đánh T. T1 bảo Văn L2 và T2 dừng xe lại nhưng cả hai vẫn chạy về hướng thị trấn T. T1 chở bị cáo T quay xe lại, đuổi theo khoảng 100m, T1 thấy Văn L2 và T2 dừng xe lại nhặt cây, T1 cũng dừng xe lại trước nhà bà Nguyễn Ngọc N2. Tại đây, có đống cây bạch đàn khô, bị cáo T nhặt đoạn cây bạch đàn khô dài 1,74m đưa cho T1 cầm, bị cáo T

cũng nhặt một đoạn cây bạch đàn khô dài 1,26m cầm trên tay. T1 đưa đoạn cây của T1 cho bị cáo T cầm, rồi điều khiển xe chở bị cáo T đuổi theo xe của Văn L2 và T2.

Khi chạy ngang qua nhà của ông Lê Công Ba H1 (cách nhà chị N2 khoảng 400m), T1 bảo bị cáo T ném bỏ cây đi để dễ chạy xe, nhưng bị cáo T chỉ ném bỏ đoạn cây dài của T1. T1 không biết bị cáo T còn cầm đoạn cây còn lại. T1 tiếp tục chở bị cáo T đuổi theo xe của Văn L2 và T2 về hướng thị trấn T. Khi đến khu vực Kho rơm, gần Cầu K, thuộc xã H, Văn L2 và T2 ném cây và nón bảo hiểm xuống đường để ngăn cản xe của T1, rồi tiếp tục điều khiển xe bỏ chạy. Do đuổi theo không kịp, nên T1 quay xe lại để chở bị cáo T về nhà. T1 vẫn thấy bị cáo T vẫn còn cầm cây nên T1 tiếp tục bảo bị cáo T ném bỏ cây nhưng T không trả lời và không ném cây theo yêu cầu của T1. T1 tiếp tục điều khiển xe chở bị cáo T về nhà, T1 không biết bị cáo T vẫn còn cầm cây trên tay. Trên đường về, T1 và bị cáo T gặp 02 người anh rể là Phạm Minh N3 và Đoàn Văn Đ nhưng T1 điều khiển xe chạy qua mặt luôn, không có nói chuyện.

Lúc này, bị hại Nguyễn Văn L điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vario màu đỏ biển số 62C1 - 216.11, không đội nón bảo hiểm, chở theo sau Nguyễn Thị Mỹ L1 có đội nón bảo hiểm, đi tìm Văn L2 và T2. Trên đường đi, L dừng lại nhặt đoạn cây tre màu vàng dài 0,9m cầm trên tay trái, với mục đích hỗ trợ cho Văn L2 và T2. L chở Mỹ L1 chạy đến ấp H, xã H thì gặp T1 chở T chạy xe theo hướng ngược lại với vận tốc khoảng 60km/h. Khi 02 xe chạy gần đối diện nhau, bị hại L điều khiển xe áp sát lại, tay trái cầm cây đưa lên đánh về phía xe T1 chở bị cáo T, T1 lách xe qua phải để tránh xe nên không trúng. Lúc này, 02 xe ngang nhau, bị cáo T ngồi sau dùng tay trái cầm đoạn cây trầm đánh từ trên xuống trúng vào vùng đầu bên trái của bị hại L, làm cho xe của bị hại L bị ngã xuống đường. T1 và bị cáo T chạy xe qua, nhìn lại thấy xe của bị hại L ngã, T1 hỏi bị cáo T “mày đánh người ta ha gì”, nhưng bị cáo T không trả lời. T1 chở bị cáo T chạy đến nhà của B báo tin xe của bị hại L bị ngã. Trên đường đi, bị cáo T ném bỏ cây bên đường. Sau đó, B và N1 chạy đến, chở bị hại L đi cấp cứu. Trên đường đi, gặp Văn L2 và T2 nên cả hai chở bị hại L đến Trung tâm Y tế huyện T. Sau đó, L được chuyển đến Bệnh viện C1 - Thành phố Hồ Chí Minh điều trị và tử vong. Còn Mỹ L1 đến Trung tâm Y tế huyện T rửa vết thương sau đó đi về nhà.

Về phía bị cáo T, sau khi đánh bị hại L, đến khoảng 19 giờ cùng ngày, T1 nghe tin bị hại L bị thương tích nặng nên hỏi bị cáo T “lúc chạy ngang mày có đánh trúng người ta không”, bị cáo T trả lời “em có cầm cây quơ lại”. Nghe vậy, T1 chở bị cáo T đến Công an huyện T trình bày toàn bộ nội dung sự việc bị cáo T cầm cây đánh bị hại L dẫn đến hậu quả bị hại L tử vong.

Tại Bản kết luận Giám định tử thi số: 440/KLTT-KTHS ngày 08/5/2023 của Phòng K Công an tỉnh L, kết luận về nguyên nhân tử vong của Nguyễn Văn L, như sau:

1. Các kết quả chính: Rách da đầu vùng trán - thái dương trái dài 26cm;

Đoạn dài 16cm từ phía dưới vùng thái dương trái (ngang vành tai trái) lên phía vùng trán trái có bờ vết nham nhở, rách dập da, vết thương này sâu làm vỡ xương hộp sọ; Đoạn vết thương từ giữa vùng thái dương trái về phía trước trán trái dài 10cm có bờ mép tương đối sắc gọn, dập da, cơ và tổ chức dưới da; Sây sát da mặt ngoài tay phải và trái, mặt trên mu hai bàn tay; Sây sát da gối chân phải, rách da mặt trong bàn chân trái; Bầm tụ máu dưới da đầu trên diện rộng; Vỡ lún xương hộp sọ vùng thái dương trái thành nhiều mảnh; Vỡ xương hộp sọ vùng chẩm dài 12,5cm, máu tụ dưới màng cứng lượng nhiều dày 2mm; Xuất huyết dưới nhện hai bán cầu, xuất huyết não thất hai bên, vỡ hố sọ trái, dập não.

2. Kết luận: Nạn nhân tử vong do bị chấn thương sọ não nặng.

3. Kết luận khác (nếu có): Vết thương trên cơ thể do vật tày gây ra./.

Tại Bản kết luận Giám định độc chất số: 190/KLGDĐC-TTPY.2023 ngày 18/5/2023 của Trung tâm pháp y – Sở Y, kết luận về nồng độ cồn trong máu của nạn nhân Nguyễn Văn L: Nồng độ Ethanol trong máu toàn phần là 0,01 mg/100mL (Theo Quyết định số 320/QĐ-BYT ngày 23/01/2024, trị số bình thường <50,23 mg/100mL).

Tại Văn bản giải trình pháp y số: 1356/CAT-PC09 ngày 31/10/2023 của Phòng K Công an tỉnh L, giải trình cơ chế hình thành thương tích của nạn nhân và việc bị chấn thương sọ não dẫn đến tử vong như sau:

1. Cơ chế chấn thương sọ não là do vật tày.

Vị trí chạm lực vùng thái dương trái, có chiều hướng từ trên xuống dưới, từ trái qua phải tạo nên vết thương hở hình vòng cung có bờ mép nham nhở rách, dập da đầu làm vỡ xương hộp sọ là tổn thương chính dẫn đến tử vong cho nạn nhân.

Hình thức tác động do bị va đập.

Tổn thương xảy ra trước khi chết.

2. Tổn thương phần mềm sây sát da mặt ngoài tay phải và trái, vùng vai trái (mặt trên), mu hai bàn tay, gối chân phải, rách da, cơ mặt trong bàn chân trái và các ngón chân ở hai bàn chân là tổn thương do cơ thể tiếp xúc với vật tày có tiết diện rộng, nhưng không gây tử vong cho nạn nhân.

3. Không đủ cơ sở để xác định nguyên nhân chấn thương sọ não là do bị đánh hay té ngã.

Cơ quan Cảnh sát Điều Công an huyện T ra Quyết định trưng cầu giám định đối với hung khí là đoạn gỗ đã khô dài 1,26m, nặng 1,755kg (chu vi đầu lớn 18cm, chu vi đầu nhỏ 14cm). Tại Bản kết luận giám định số: 7480/KL-KTHS ngày 19/12/2023 của Phân viện Khoa học hình sự Bộ C2 kết luận: Trên khúc gỗ gửi giám định có ADN người, phân tích được kiểu gen không hoàn chỉnh từ nguồn ADN này do dấu vết kém nên không truy nguyên được cá thể.

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm: 01 xe mô tô hiệu: Honda, số loại: Winner, M1 sơn: xanh trắng đen, dung tích xy lạnh: 149cm<sup>3</sup>, số máy:

KC26E1221607, số khung: RLHKC2605GY375168, biển số: 62C1 - 149.24; 01 đoạn gỗ đã khô dài 1,26m, nặng 1,755kg (chu vi đầu lớn 18cm, chu vi đầu nhỏ 14cm); 01 đoạn gỗ tre hình trụ nửa hình tròn dài 0,9m, đường kính 07cm, mặt cong 22cm; 01 đoạn gỗ tròn dài 1,74m (chu vi đầu lớn 14cm; chu vi đầu nhỏ 11cm), nặng 1,45kg; 01 chiếc dép quai kẹp bên phải; 01 chiếc dép quai kẹp bên trái; 01 mũ bảo hiểm màu trắng;

Tại Bản cáo trạng số 53/CT-VKSLA-P2 ngày 23-7-2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An, đã truy tố bị cáo Trần Văn T về tội “Giết người” theo quy định tại các điểm 1 và n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Bị cáo Trần Văn T trình bày: Giữa bị cáo với người bị hại L không có mâu thuẫn gì với nhau và khai nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu. Bị cáo xác định nguyên nhân dẫn đến bị hại tử vong là do bị cáo gây ra. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An đã truy tố bị cáo phạm tội “Giết người” là đúng người, đúng tội, không oan cho bị cáo. Bị cáo không khiếu nại gì về các quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi tố tụng của người tiến hành tố tụng đối với bị cáo trong hoạt động điều tra và truy tố vụ án đối với bị cáo.

- Người đại diện theo ủy quyền của người đại diện hợp pháp cho người bị hại ông Nguyễn Văn C trình bày: Bà Huỳnh Thị Á là mẹ ruột của bị hại L, còn cha của bị hại L chết trước đó. Bị hại L chung sống với nhau như vợ chồng với bà Trần Thị D1 và có 01 người con chung tên Trương Văn Tuấn A, sinh ngày 30/10/2019 hiện do bà D1 đang nuôi dưỡng. Về trách nhiệm dân sự, đại diện người bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường các khoản chi phí gồm: Chi phí điều trị cho người bị hại trước khi chết, tiền thuê xe vận chuyển, tiền ma chay, làm mã và tiền tổn thất tinh thần, tổng cộng là 291.461.000 đồng. Gia đình bị cáo đã bồi thường trước số tiền 30.000.000 đồng, nên khấu trừ và yêu cầu bị cáo còn phải bồi thường số tiền 261.461.000 đồng. Về trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- Bị cáo T đồng ý bồi thường tất cả các khoản chi phí theo yêu của đại diện người bị hại như trên.

*Những người có quyền và nghĩa vụ liên quan trình bày như sau:*

- Bà Trần Thị D1 là người đại diện của cháu Trương Văn Tuấn A trình bày: Bà D1 và ông L chung sống với nhau như vợ chồng và có 01 người con chung tên Trương Văn Tuấn A, sinh ngày 30/10/2019. Đến nay, bà D1 chưa làm thủ tục truy nhận cha cho con đối với cháu Tuấn A, nên bà D1 không yêu cầu bị cáo phải cấp dưỡng nuôi cháu Tuấn A trong cùng vụ án này.

- Bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà N là mẹ của bị cáo T, bà đã thay mặt bị cáo bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 30.000.000 đồng theo sự tác động của bị cáo. Bà N không yêu cầu xem xét buộc bị cáo phải trả lại cho bà số tiền trên.

- Ông Trần Văn T1 trình bày: Trên đường điều khiển xe mô tô chở bị cáo T đi, ông T1 thấy bị cáo ngồi sau xe cầm 02 đoạn cây gây vướng, nên nhiều lần bảo bị cáo vứt bỏ cây nhưng bị cáo vẫn còn cầm giữ một đoạn cây, ông T1 không hay biết dẫn đến bị cáo dùng cây đánh làm cho ông L té ngã xuống đường sau đó bị tử vong.

Người làm chứng gồm các ông Nguyễn Tiểu N1 và Trần Văn Trung B trình bày thống nhất: Việc bị hại L bị ai đánh gây thương tích như thế nào thì không có chứng kiến. Khi hay tin đi đến thì thấy bị hại L bị thương tích và đưa đi cấp cứu.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa, phát biểu luận tội về hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên quan điểm truy tố của Cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử:*

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn T phạm tội “Giết người”;

Áp dụng: Các điểm l và n khoản 1 Điều 123; các điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Trần Văn T mức án tù 18 năm đến 20 năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 31/5/2023. Không áp dụng hình phạt bổ sung.

- Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận thỏa thuận tại phiên tòa về số tiền bồi thường giữa bị cáo với đại diện của người bị hại.

- Về phần xử lý vật chứng:

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 đoạn gỗ đã khô dài 1,26m, nặng 1,755kg (chu vi đầu lớn 18cm, chu vi đầu nhỏ 14cm); 01 đoạn gỗ tre hình trụ nửa hình tròn dài 0,9m, đường kính 07cm, mặt cong 22cm; 01 đoạn gỗ tròn dài 1,74m (chu vi đầu lớn 14cm; chu vi đầu nhỏ 11cm), nặng 1,45kg; 01 chiếc dép quai kẹp bên phải; 01 chiếc dép quai kẹp bên trái; 01 mũ bảo hiểm màu trắng.

+ Trả lại cho ông Trần Văn T1: 01 xe mô tô hiệu: Honda, số loại: Winner, M1 sơn: xanh trắng đen, dung tích xy lanh: 149cm<sup>3</sup>, số máy: KC26E1221607, số khung: RLHKC2605GY375168, biển số: 62C1 - 149.24.

Về án phí: Buộc bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Luật sư bào chữa chỉ định cho bị cáo Trần Văn T trình bày: Thống nhất về tội danh đối với bị cáo như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo tại phiên tòa. Ngoài ra, Luật sư còn phân tích thêm về nguyên nhân, điều kiện dẫn đến bị cáo phạm tội. Đề nghị Hội đồng xem xét áp dụng mức hình phạt cho bị cáo thấp hơn mức như đại diện của Viện kiểm sát đề nghị.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của đại diện người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không tranh luận.

Lời nói sau cùng: Bị cáo xin lỗi gia đình bị hại và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều là hợp pháp. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi liên quan, xét hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai, quá trình điều tra phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ. Do đó, việc vắng mặt này không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ vào Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Xét, lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với: Lời khai của bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát điều tra; lời khai của người có quyền lợi liên quan đến vụ án; người làm chứng; biên bản khám nghiệm hiện trường vụ án; biên bản thu giữ vật chứng; các kết luận giám định và cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Với các tình tiết của vụ án đã được chứng minh tại phiên tòa, xét có đủ cơ sở kết luận rằng:

- Bị cáo Trần Văn T là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

- Giữa bị cáo Trần Văn T với bị hại Nguyễn Văn L không có mâu thuẫn gì với nhau. Xuất phát từ việc liên trước đó bị cáo T một mình điều khiển xe mô tô đi chợ thì bị các ông Nguyễn Văn L2 và Trương Văn T2 điều khiển xe mô tô đuổi theo đòi đánh bị cáo T. Bị cáo T quay về nhà nói lại sự việc cho ông Trần Văn T1 biết và được ông T1 điều khiển xe mô tô biển số 62C1-149.24 chở đi để tìm các ông Nguyễn Văn L2 và Trương Văn T2 để hỏi nguyên nhân vì sao đánh bị cáo T. Trên đường đi, bị cáo T có chuẩn bị 02 đoạn cây, ông T1 biết nên nhiều lần yêu cầu bị cáo T ném bỏ cây, nhưng bị cáo T vẫn giữ lại một đoạn cây, ông T1 không biết. Còn ông Nguyễn Văn L điều khiển xe mô tô 62C1 - 216.11 không đội mũ bảo hiểm, trên tay cầm 01 đoạn cây tre chở phía sau bà Nguyễn Thị Mỹ L1 có đội mũ bảo hiểm để đi tìm các ông Văn L2 và T2. Khoảng hơn 16 giờ ngày 01/5/2023, tại đoạn đường thuộc khu vực ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Long An, 02 xe đi đến ngược chiều nhau với tốc độ của từng xe khoảng 60km/h, khi 02 xe đối diện nhau, bị hại L đang điều khiển xe bằng tay phải, tay trái cầm đoạn cây tre đánh về hướng ông T1 và bị cáo T, nên ông T1 điều khiển xe lách vào sát lề phải, bị cáo T ngồi sau xe, tay trái cầm đoạn cây đánh trúng vào vùng đầu bên trái của bị hại L gây vỡ xương hộp vùng thái dương trái làm cho bị hại

L cùng bà L2 té ngã xuống đường. Hậu quả, bị hại L2 bị tử vong sau một thời gian điều trị và bà L2 bị thương nhẹ. Như vậy, hành vi nêu trên của bị cáo Trần Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Giết người” với tình tiết định khung hình phạt là bằng phương pháp có khả năng làm chết nhiều người và phạm tội có tính chất côn đồ được quy định tại các điểm l và n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và được quy định như sau:

*“1. Người nào giết người thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình:*

...

*l) Bằng phương pháp có khả năng làm chết nhiều người;*

*n) Có tính chất côn đồ;*

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An đã truy tố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Giết người” theo quy định tại điểm l, n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tội phạm do bị cáo gây ra là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ. Gây mất mát, đau thương cho gia đình của người bị hại. Ngoài ra, còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải có mức án tương xứng đối với bị cáo, nhằm đạt mục đích răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, cần phải xem xét đến các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường, khắc phục một phần hậu quả cho đại diện người bị hại; sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú, xét thấy vụ án này người bị hại cũng có một phần lỗi. Đây là các tình tiết giảm trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về quyết định hình phạt đối với bị cáo: Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như trên đối với bị cáo. Xét thấy, mức hình phạt và loại hình phạt như đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp và tương xứng nên ghi nhận xem xét. Xét quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa có một phần phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử, nên được ghi nhận để xem xét.

[6] Xét thấy, hành vi phạm tội của bị cáo không liên quan đến nghề



nghiệp của bị cáo, nên không cần áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 123 Bộ luật Hình sự.

[7] Đối với những người có liên quan khác, xét thấy;

[7.1]. Đối với bà Nguyễn Thị Mỹ L1 là người ngồi sau xe mô tô do bị hại L điều khiển, bị cáo T chỉ có ý thức tấn công bị hại L, không có ý thức tấn công bà L1, sau khi bị hại L bị thương tích dẫn đến ngã xe nên bà L1 bị thương tích nhẹ. Bà L1 từ chối giám định và không có yêu cầu về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét hành vi của bị cáo T đối với bà L1 là có căn cứ.

[7.2] Đối với ông Trần Văn T1, là người chở bị cáo T ngồi sau xe, sau đó bị cáo T sử dụng đoạn cây đánh tử vong bị hại L. Tuy nhiên, mục đích của ông T1 chở T đi để tìm các ông Văn L2 và T2 hỏi nguyên nhân vì sao đánh T. Ông T1 không có bàn bạc gì với bị cáo T về việc đánh nhau. Ngoài ra, trên đường đi, ông T1 đã 02 lần bảo bị cáo T ném bỏ cây; khi thấy bị hại L điều khiển xe và cầm cây đánh về phía ông T1 thì ông T1 chủ động lách xe ra để tránh né. Do đó, bị cáo T ngồi sau xe dùng cây đánh bị hại L ông T1 không biết là có căn cứ. Vì vậy, Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông T1 là có căn cứ.

[7.3] Đối với ông Nguyễn Văn L2 cùng những người khác có dấu hiệu của tội “Gây rối trật tự công cộng”, quy định tại Điều 318 Bộ luật Hình sự và thuộc thẩm quyền xác minh, giải quyết của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T. Do đó, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh L có văn bản thông báo vụ việc và chuyển tài liệu liên quan đến Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện T để xác minh, giải quyết theo quy định pháp luật là có căn cứ.

[8]. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào các Điều 584, 585, 586 và 591 Bộ luật Dân sự. Xét thấy:

[8.1] Tại phiên tòa, bị cáo T và người đại diện theo ủy quyền cho người bị hại đã thỏa thuận được với nhau về phần trách nhiệm dân sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, nên ghi nhận. Bị cáo Trần Văn T có trách nhiệm bồi thường cho bà Huỳnh Thị Á tổng số tiền là 291.461.000 đồng, khấu trừ số tiền do bà Nguyễn Thị N đã bồi thường trước là 30.000.000 đồng, nên bị cáo còn phải bồi thường số tiền 261.461.000 đồng.

[8.2] Đối với bà Trương Thị D rút lại yêu cầu đối với bị cáo T về cấp dưỡng nuôi cháu Trương Văn Tuấn A là tự nguyện, nên ghi nhận.

[8.3] Đối với số tiền 30.000.000 đồng do bà Nguyễn Thị N là mẹ ruột của bị cáo T đã bồi thường trước cho đại diện người bị hại thay cho bị cáo, bà N không yêu cầu xem xét, nên không xét đến.

[8.4] Đối với bà Nguyễn Thị Mỹ L1 vắng mặt tại phiên tòa, qua lời khai có trong hồ sơ vụ án không có yêu cầu về phần trách nhiệm dân sự, nên không xét đến.

[9] Về vật chứng: : Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015

sửa đổi, bổ sung năm 2021 và Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xét:

[9.1] Đối với: 01 đoạn cây gỗ đã khô dài 1,26m, nặng 1,755kg (chu vi đầu lớn 18cm, chu vi đầu nhỏ 14cm); 01 đoạn cây gỗ tre hình trụ nửa hình tròn dài 0,9m, đường kính 07cm, mặt cong 22cm; 01 đoạn cây gỗ tròn dài 1,74m (chu vi đầu lớn 14cm; chu vi đầu nhỏ 11cm), nặng 1,45kg; 01 chiếc dép quai kẹp bên phải; 01 chiếc dép quai kẹp bên trái; 01 mũ bảo hiểm màu trắng. Tất cả vật chứng tại phiên tòa không ai yêu cầu nhận lại, xét thấy không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[9.2] Đối với 01 xe mô tô hiệu Honda, số loại: Winner, M1 sơn: xanh trắng đen, dung tích xy lanh: 149cm<sup>3</sup>, số máy: KC26E1221607, số khung: RLHKC2605GY375168, biển số: 62C1 - 149.24, thuộc sở hữu của ông Trần Văn T1, nên giao trả lại cho ông T1.

[10] Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Trần Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 13.073.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn T phạm tội “Giết người”.

Áp dụng: Các điểm l và n khoản 1 Điều 123; các điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn T 18 (Mười tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 31/5/2024.

Áp dụng: Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2021, tiếp tục tạm giam bị cáo Trần Văn T 45 ngày kể từ ngày tuyên án 26-8-2024 để đảm bảo thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào các Điều 584, 585, 586 và 591 Bộ luật Dân sự năm 2015. Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Trần Văn T và với đại diện của người bị hại. Bị cáo Trần Văn T có trách nhiệm bồi thường cho bà Huỳnh Thị Á tổng số tiền là 291.461.000 đồng, khấu trừ số tiền do bà Nguyễn Thị N đã bồi thường trước là 30.000.000 đồng, nên bị cáo Trần Văn T còn phải bồi thường số tiền 261.461.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2021 và Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung

năm 2017.

3.1. Tịch thu tiêu hủy: 01 đoạn cây gỗ đã khô dài 1,26m, nặng 1,755kg (chu vi đầu lớn 18cm, chu vi đầu nhỏ 14cm); 01 đoạn cây gỗ tre hình trụ nửa hình tròn dài 0,9m, đường kính 07cm, mặt cong 22cm; 01 đoạn cây gỗ tròn dài 1,74m (chu vi đầu lớn 14cm; chu vi đầu nhỏ 11cm), nặng 1,45kg; 01 chiếc dép quai kẹp bên phải; 01 chiếc dép quai kẹp bên trái; 01 mũ bảo hiểm màu trắng.

3.2. Trả lại cho ông Trần Văn T1: 01 xe mô tô hiệu Honda, số loại: Winner, M1 sơn: xanh trắng đen, dung tích xy lanh: 149cm<sup>3</sup>, số máy: KC26E1221607, số khung: RLHKC2605GY375168, biển số: 62C1 - 149.24.

(Vật chứng và tài sản trên được Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An đang quản lý theo Quyết định chuyển vật chứng số: 309/QĐ-VKSLA-P2 ngày 23-7-2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An; Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 25-7-2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Long An).

4. Về án phí: Buộc bị cáo Trần Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 13.073.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; vắng mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc Tòa án niêm yết hợp lệ bản án.

6. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TANDCC tại TP.HCM (01);
- VKSNDCC tại TP.HCM (01);
- VKSND tỉnh Long An (01);
- Cục THADS tỉnh Long An (01);
- CQĐT Công an tỉnh Long An (01);
- Sở Tư pháp tỉnh Long An (01);
- Bị cáo;
- Người TGTT;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thiện Tâm**